TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 55/2021/HS-ST
Ngày 14-9-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Ngọc Sinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Toàn

Ông Trần Ngọc Hải.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Đào Thị Hà - Thư ký Toà án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kiều Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng mở phiên toà công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 53/2021/TLST-HS ngày 30 tháng 7 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2021/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2021/HSST-QĐ ngày 25 tháng 8 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. NTT; sinh ngày 10 tháng 7 năm 1983. Nơi cư trú: Số 15A A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông D (đã chết) và bà NLQ2; chồng là E và có hai con: Con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 17-10-2020, đến ngày 23-10-2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Có mặt.

2. NTL; sinh ngày 18 tháng 9 năm 1990. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 15/2 phố F, tổ 4 phường G, quận H, thành phố Hải Phòng; Chỗ ở hiện nay: số 57 Khu tập thể I, ngõ 960 J, phường K, quận H, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Kế toán; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông L (đã chết) và bà M; chồng là N và có 01 con sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 17-10-2020, đến ngày 23-10-2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Công ty TNHH NLQ1, địa chỉ: Số 313 O, phường P, quận C, thành phố Hải Phòng; người đại diện theo pháp luật: Bà NLQ2; vắng mặt.

Bà NLQ2, cư trú: Tổ dân phố Q, phường R, quận S, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

Công ty TNHH NLQ3, địa chỉ: Số 23/29F đường O, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; người đại diện theo pháp luật: Ông NLQ4; vắng mặt.

Ông NLQ4, cư trú: Số 72/20 T, phường U, quận V, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

Công ty TNHH NLQ5, địa chỉ: Số 561 W, phường X, quận H, thành phố Hải Phòng; người đại diện theo pháp luật: Bà NLQ6, giám đốc; vắng mặt.

Bà NLQ6, cư trú: Số 5/204 T, phường T, quận V, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

Công ty TNHH NLQ7, địa chỉ: Số 15A A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; người đại diện theo pháp luật: Anh NLQ8; vắng mặt.

Anh NLQ8, cư trú: Tổ dân phố Q, phường R, quận S, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

Công ty TNHH NLQ9, địa chỉ: Số 15B A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; người đại diện theo pháp luật: Chị NLQ10; vắng mặt.

Chị NLQ10, cư trú: Tổ dân phố Y, phường Z, quận AA, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

Công ty TNHH NLQ11, địa chỉ: Số 98 AB, phường AC, quận V, thành phố Hải Phòng; người đại diện theo pháp luật: Ông AD, giám đốc; vắng mặt.

Công ty TNHH NLQ12, địa chỉ: Số 5 khu AE, phường AF, quận H, thành phố Hải Phòng; người đại diện theo pháp luật: NTT; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 16-10-2020, NTT tự thú tại Công an quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng về hành vi bán trái phép hóa đơn giá trị gia tăng, tự nguyện giao nộp 03 tờ hóa đơn giá trị gia tăng (viết tắt là GTGT) liên 2 của Công ty trách nhiệm hữu hạn NLQ7 (viết tắt là Công ty NLQ7); 01 bản phô tô tờ hóa đơn GTGT của Công ty Trách nhiệm hữu hạn NLQ9 (viết tắt là Công ty NLQ9) và 01 quyển sổ tay ghi tiền hàng của các Công ty mua hóa đơn. Cùng ngày, NTL ra đầu thú về hành vi giúp NTT bán trái trép hóa đơn.

Tại Cơ quan điều tra, NTT, NTL khai nhận: Thông qua quan hệ xã hội, NTT quen các đối tượng AG, AH (chưa xác minh được lai lịch, địa chỉ) có nhu cầu mua hóa đơn GTGT khống. Khoảng cuối năm 2014 đến tháng 08-2020, người phụ nữ tên AI (chưa xác minh được lai lịch, địa chỉ) liên hệ bán cho NTT các tài liệu, con dấu của 05 công ty gồm: Công ty NLQ9, Công ty NLQ7, Công

ty Trách nhiệm hữu hạn NLQ1 (viết tắt là Công ty NLQ1); Công ty Trách nhiệm hữu hạn NLQ3 (viết tắt là Công ty NLQ3) và Công ty Trách nhiệm hữu hạn NLQ5 (viết tắt là Công ty NLQ5). Cụ thể: NTT sử dụng chứng minh thư nhân dân của NLQ8, NLQ10, mặc dù họ không biết, rồi đưa cho AI làm thủ tục thành lập doanh nghiệp để NLQ8 là người đại diện theo pháp luật của Công ty NLQ7, NLQ10 là người đại diện theo pháp luật của Công ty NLQ9. NTT thanh toán cho AI tổng số tiền 4.000.000 đồng/02 công ty (2.000.000 đồng/ 01 công ty), rồi nhận tài liệu, bộ con dấu, dấu chức danh của hai công ty này. NTT thanh toán cho AI 105.000.000 đồng/03 công ty (35.000.000 đồng/ 01 công ty), rồi nhận giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, bộ con dấu, hóa đơn GTGT của Công ty NLQ1; Công ty NLQ3 và Công ty NLQ5. NTT không quan hệ với người quản lý có liên quan cũ của các công ty này.

Trong khoảng thời gian từ tháng 09-2014 đến 08-2020, NTT điều hành 05 Công ty trên bán ra 2.910 số hóa đơn với tổng tiền hàng hóa, dịch vụ bán ra ghi khống trên hóa đơn là 1.370.107.705.681 đồng chưa tính thuế GTGT với giá bán 0,11% giá trị hàng hóa, dịch vụ chưa tính thuế ghi khống trên hóa đơn gồm: Công ty NLQ7 bán ra 692 số hóa đơn với tổng số tiền hàng ghi khống trên hóa đơn là 363.530.401.283 đồng; Công ty NLQ9 bán ra 490 số hóa đơn với tổng số tiền hàng ghi khống là 347.624.631.701 đồng; Công ty NLQ1 bán ra 662 số hóa đơn với tổng số tiền hàng ghi khống là 229.756.621.011 đồng; Công ty NLQ3 bán ra 888 số hóa đơn với tổng số tiền hàng ghi khống là 239.946.182.627 đồng và Công ty NLQ5 bán ra 178 số hóa đơn với tổng số tiền hàng ghi khống là 189.249.869.059 đồng.

Sau khi, AG, AH cung cấp thông tin cần viết lên hóa đơn gồm: Tên Công ty mua, mã số thuế, tên hàng hóa, doanh số, hợp đồng mua bán, biên bản giao nhận hàng hóa,… bằng hình thức nhắn tin vào điện thoại của NTT hoặc chuyển trực tiếp cho NTT. Căn cứ các thông tin đó NTT trực tiếp viết hóa đơn, đóng dấu chức danh, dấu tròn, trực tiếp ký vào mục Giám đốc của hóa đơn GTGT khống và các tài liệu khác theo yêu cầu của khách hàng. Sau khi viết xong hóa đơn GTGT, hoàn thiện các thủ tục, NTT chuyển cho AG, AH. NTT bán hóa đơn GTGT khống với giá 0.11% (nghĩa là 1,1 triệu đồng/01 tỷ đồng tiền hàng hóa dịch vụ chưa thuế ghi khống trên hóa đơn) thu được số tiền là 1.507.118.476 đồng. AG hoặc AH trực tiếp thanh toán tiền mua hóa đơn cho NTT bằng tiền mặt. NTT không cho NTL biết về giá bán của hóa đơn GTGT. Để hợp thức hóa việc mua bán trái phép hóa đơn GTGT không có hàng hóa dịch vụ, NTT sẽ thực hiện bằng hai hình thức: Trường hợp khách hàng có tiền sẽ chuyển tiền trực tiếp vào tài khoản của một trong năm công ty nêu trên, NTT sẽ đi rút tiền, rồi trả lại cho khách hàng. Trường hợp khách hàng mua hóa đơn chưa có sẵn tiền, họ sẽ chuyển cho NTT giấy giới thiệu, ủy nhiệm chi để NTT dùng tiền của mình tự thực hiện việc thanh toán từ khách hàng cho NTT. AG bộ giấy rút tiền mặt, giấy giới thiệu và séc rút tiền mặt của năm công ty đều do NTT ký, đóng dấu sẵn. NTT không giao dịch trực tiếp với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ghi mua hàng hóa, sử dụng dịch vụ, mà qua AG, AH hoặc người trung gian tự nhận người của doanh nghiệp giao dịch. Từ tháng 06-2018, NTT thuê

NTL làm báo cáo kê khai thuế, trực tiếp viết nội dung, ký một số giấy tờ liên quan đến giao dịch nộp tiền, chuyển tiền, rút tiền tại Ngân hàng để hợp thức hóa việc mua bán trái phép hóa đơn của Công ty NLQ7, Công ty NLQ9 theo sự chỉ đạo của NTT. Ba công ty còn lại là Công ty NLQ1, Công ty NLQ3, Công ty NLQ5 do NTT thực hiện. Về nguồn gốc hàng hóa, dịch vụ mua vào của năm công ty trên đều được kê khai khống, không có hàng hóa, dịch vụ mua vào. NTT tự kê khai, báo cáo thuế cho ba công ty: Công ty NLQ1, Công ty NLQ3, Công ty NLQ5; còn lại 02 Công ty NLQ7 và NLQ9, NTT thuê NTL thực hiện kê khai, báo cáo thuế với tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ mua vào chưa tính thuế của năm công ty là 1.361.908.698.721 đồng.

NTL đã giúp sức cho NTT trong việc thực hiện hành vi mua bán trái phép 1.182 số hóa đơn GTGT (liên 2), ghi khống số tiền hàng hóa, dịch vụ chưa thuế trên hóa đơn là 711.155.032.984 đồng tại Công ty NLQ7, Công ty NLQ9 và thu lợi bất chính 32.000.000 đồng là tiền lương NTT trả. NTL có nghiệp vụ kế toán, biết rõ NTT mua bán trái phép hoá đơn GTGT ghi khống nội dung hàng hoá, dịch vụ của các Công ty trên nhưng vẫn đồng ý giúp sức cho NTT thực hiện hành vi phạm tội.

Kết quả xác minh về 05 Công ty như sau: Công ty TNHH NLQ7, mã số doanh nghiệp, mã số thuế: 0201859112, đăng ký lần đầu ngày 21-02-2018, địa chỉ: Số 15A A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; người đại diện theo pháp luật: Anh NLQ8; nhiều lần thay đổi đăng ký doanh nghiệp và tạm ngừng theo Giấy xác nhận ngày 18-9-2020 của Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng. Công ty TNHH NLQ9, mã số doanh nghiệp, mã số thuế: 0201863831, đăng ký lần đầu ngày 28-3-2018, địa chỉ: Số 15B A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; người đại diện theo pháp luật: Chị NLQ10, nhiều lần thay đổi đăng ký doanh nghiệp và tạm ngừng theo Giấy xác nhận ngày 18-9-2020 của Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng. Công ty TNHH NLQ1, mã số doanh nghiệp, mã số thuế: 0201304103, địa chỉ: Số 313 O, phường P, quận C, thành phố Hải Phòng; đăng ký lần đầu ngày 10-7-2013 với người đại diện theo pháp luật: Bà AJ, giám đốc và những chủ sở hữu khác gồm: Ông AK, bà AL; đăng ký thay đổi ngày 22-4-2016 chuyển đổi từ Công ty TNHH hai thành viên trở lên thành Công ty TNHH NLQ1 với người đại diện theo pháp luật: Bà NLQ2, giám đốc. Công ty TNHH NLQ3, mã số doanh nghiệp, mã số thuế: 0201573586, địa chỉ: Số 23/29F đường O, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; đăng ký lần đầu ngày 17-9-2014 với người đại diện theo pháp luật: Ông AM; đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 20-1-2017 với người đại diện theo pháp luật: Ông NLQ4; tạm ngừng theo Giấy xác nhận ngày 23-12-2019 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng. Công ty TNHH Hai thành viên trở lên NLQ5, mã số doanh nghiệp, mã số thuế: 0202003105, địa chỉ: Số 561 W, phường X, quận H, thành phố Hải Phòng; người đại diện theo pháp luật: Bà NLQ6, giám đốc; nhưng đăng ký lần đầu ngày 02-12-2005 với các thành viên gồm: Ông AN, giám đốc và bà AO.

Kết quả điều tra thể hiện: Các doanh nghiệp sử dụng hóa đơn của NTT bán trái phép không liên hệ với NTT, mà giao dịch hàng hóa, sử dụng dịch vụ, thanh

toán với cá nhân (chưa xác minh được lai lịch, địa chỉ) tự nhận là thành viên của Công ty NLQ9, Công ty NLQ7, Công ty NLQ1, Công ty NLQ3 và Công ty NLQ5. Các doanh nghiệp này giao nộp hợp đồng mua bán hàng hóa hoặc cung ứng dịch vụ, hóa đơn, chứng từ thanh toán, đều ý kiến giao dịch có hàng hóa, dịch vụ, nhưng không biết các hóa đơn GTGT này do NTT thực hiện, bán trái phép. Qua tài liệu điều tra chưa đủ căn cứ để xác định hành vi mua trái phép hóa đơn của các cá nhân, doanh nghiệp vi phạm pháp luật hình sự, nên Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, làm rõ, xử lý sau.

Khám xét khẩn cấp chỗ ở của NTT và NTL, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ 04 tờ hóa đơn liên 2 của Công ty NLQ3 đã ghi nội dung; 05 bộ con dấu của 05 Công ty mua bán trái phép hóa đơn; 01 bộ con dấu của Công ty TNHH NLQ12 (sau đây viết tắt là Công ty NLQ12); 01 bộ con dấu của Công ty TNHH NLQ11 (sau đây viết tắt là Công ty NLQ11), cùng các tài liệu, hoá đơn, chứng từ khác. Công ty NLQ12 do NTT đứng tên làm Giám đốc để mua bán hàng hóa có thật. NTT không biết gì về Công ty NLQ11, mà nhận giúp AG, giữ hộ bộ con dấu của công ty này. Về toàn bộ các tài liệu, đồ vật khám xét mà Cơ quan điều tra thu giữ tại chỗ ở của NTT và NTL, NTT khai nhận đã cất giấu tại chỗ ở của mình và chỗ ở của NTL. NTL biết đó là các tài liệu liên quan đến việc mua bán hóa đơn của NTT, nhưng không sử dụng các giấy tờ, tài liệu này mà chỉ cho NTT gửi nhờ.

Kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự CATP Hải Phòng số 145/KLGĐ-PC09 ngày 24-10-2020 thể hiện: Dấu chức danh có nội dung "Giám đốc NLQ4" tại mục "Thủ trưởng đơn vị" trên 03 tờ hóa đơn GTGT (liên 2) của Công ty NLQ3 so với dấu chức danh Giám đốc NLQ4 (thu giữ khám xét tại nhà NTL) do cùng một con dấu đóng ra. Chữ ký, chữ viết tại mục "Người bán hàng" ghi tên NTL và chữ viết nội dung trên 03 hóa đơn GTGT (liên 2) của Công ty NLQ3 so với bảng chữ ký, chữ viết của bị cáo NTT cung cấp cho Cơ quan điều tra do cùng một người ký, viết ra. Chữ ký tại mục "Thủ trưởng đơn vị" mang tên Giám đốc NLQ4 trên 03 tờ hoá đơn GTGT (liên 2) của Công ty NLQ3 so với bảng chữ ký của bị cáo NTT cung cấp cho Cơ quan điều tra do cùng một người ký ra.

Về việc thu lợi bất chính: Từ tháng 09-2014 đến 08-2020, NTT thu được 1.507.118.476 đồng. Số tiền trên NTT đã sử dụng vào việc: Chi nộp ngân sách Nhà nước hết số tiền là 1.128.528.757 đồng, thuê NTL làm kế toán hết số tiền là 32.000.000 đồng; đặt in hóa đơn của 04 công ty hết 11.797.500 đồng; thành lập 02 công ty hết 4.000.000 đồng; mua lại 03 công ty gồm toàn bộ giấy tờ, bộ con dấu, hóa đơn hết số tiền là 105.000.000 đồng; tổng chi hết: 1.281.326.257 đồng. NTT hưởng lợi, chi tiêu cá nhân số tiền 225.792. 219 đồng. Quá trình điều tra, NTT đã tự nguyện giao nộp số tiền thu lợi bất chính để khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội gây ra là 110.000.000 đồng, NTL nộp 20.000.000 đồng. Trước khi mở phiên tòa, các bị cáo tự nguyện nộp tại Chi Cục thi hành án dân sự quận Hồng Bàng: Bị cáo NTT nộp 350.000.000 đồng, bị cáo NTL nộp 150.000.000 đồng.

Về vật chứng: Toàn bộ hóa đơn, chứng từ, con dấu, tài liệu khác thu giữ tại nhà NTT và NTL (có bảng kê kèm theo) chuyển Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng.

Tại Bản Cáo trạng số 57/CT-VKSHB ngày 23 tháng 7 năm 2021, Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng truy tố NTT về tội "Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước" quy định tại điểm d và điểm đ Khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự; truy tố NTL về tội "Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước" quy định tại điểm d Khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự.

- Tại phiên tòa, các bị cáo đều khai nhận hành vi phạm tội, phù hợp nội dung bản Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng và đều cam đoan không vi phạm pháp luật, xin xem xét hình phạt cho bị cáo để tiếp tục lao động, kinh doanh trở thành công dân có ích cho xã hội, gia đình. Người đại diện theo pháp luật của Công ty NLQ12 đề nghị được trả lại 01 (Một) dấu tròn của Công ty TNHH NLQ12, MST: 0201317864, 01 (Một) dấu chức danh giám đốc mang tên NTT với lý do doanh nghiệp này hoạt động bảo đảm quy định pháp luật, không liên quan vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như nội dung bản cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng các điểm d, đ khoản 2 Điều 203; khoản 1 Điều 35; các điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt: Phạt tiền NTT từ 300.000.000 đồng đến 350.000.000 đồng về tội "Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước".

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; khoản 1 Điều 35; các điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt: Phạt tiền NTL từ 200.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng về tội "Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước".

Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước tiền thu lợi bất chính 225.792. 219 đồng của NTT. Tạm giữ số tiền còn lại 234.207.781 đồng bảo đảm thi hành án đối với NTT. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước tiền thu lợi bất chính 32.000.000 đồng của NTL. Tạm giữ số tiền còn lại 138.000.000 đồng bảo đảm thi hành án đối với NTL.

Tịch thu tiêu hủy đối với: 11 (Mười một) quyển hóa đơn GTGT, mẫu số: 01GTKT3/001, ký hiệu: AT/18P quyển số 17 đến 27 (ghi trên bìa) từ số 0000801 đến 0001350 của Công ty NLQ9, MST: 0201863831, đang sử dụng. 13 (Mười ba) quyển hóa đơn GTGT, mẫu số: 01GTKT3/001, ký hiệu: AT/18P quyển số 28 đến 40 (ghi trên bìa) từ số 0001351 đến 0002000 của Công ty NLQ9, chưa sử dụng. 14 (Mười bốn) quyển hóa đơn GTGT, mẫu số: 01GTKT3/001, ký hiệu: 01GTKT3/001, ký hiệu: AP/18P quyển số 27 đến 40 (ghi trên bìa) từ số 0001301 đến 0002000 của Công ty NLQ7, chưa sử dụng. 07 (Bảy) quyển hóa đơn GTGT, mẫu số: 01GTKT3/001, ký hiệu: 01GTKT3/001, ký hiệu: AP/18P quyển số 20 đến 26 (ghi trên bìa) từ số 0000951 đến 0001300 của Công ty NLQ7, MST: 0201859112, đang sử dụng. 09 (Chín) giấy rút tiền mặt của Công ty NLQ3 tại

Ngân hàng AP đã ký tên NTT tại mục “Kế toán trưởng" và ký tên Giám đốc NLQ4, đóng dấu tròn Công ty tại mục “Chủ tài khoản", chưa viết nội dung. 03 (Ba) giấy rút tiền mặt của Công ty NLQ1 tại Ngân hàng AP đã ký tên NTT tại mục “Kế toán trưởng" và ký tên Giám đốc NLQ2, đóng dấu tròn công ty tại mục “Chủ tài khoản", chưa viết nội dung. 13 (Mười ba) giấy Ủy nhiệm chi của Công ty NLQ9 tại Ngân hàng MB chưa viết nội dung. 24 (Hai mươi bốn) quyển Hóa đơn GTGT, ký hiệu: AA/18P, mẫu số: 01GTKT3/002 được đánh số trên bìa từ 17 đến 40 của Công ty NLQ3, chưa viết nội dung. Tập hồ sơ đặt in hóa đơn của Công ty NLQ3, Công ty NLQ1. Tập hồ sơ đặt in hóa đơn của Công ty NLQ9. 01 (Một) bộ dấu tròn Công ty, dấu chức danh Giám đốc của Công ty NLQ9.

Chuyển cho Cơ quan điều tra Công an quận Hồng Bàng tiếp tục điều tra, xử lý theo quy định pháp luật đối với: 02 (Hai) bộ dấu tròn Công ty, dấu chức danh Giám đốc của Công ty NLQ7, Công ty TNHH NLQ11, MST: 0202013900. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty NLQ7. 03 (Ba) dấu tròn của các Công ty gồm: Công ty TNHH NLQ1, MST: 0201304103; Công ty TNHH NLQ5, MST: 0200654585; Công ty TNHH NLQ3, MST: 0201573586. 03 (Ba) dấu chức danh Giám đốc mang tên: NLQ2, NLQ6, NLQ4.

Trả lại cho Công ty TNHH NLQ12 01 (Một) dấu tròn của Công ty TNHH NLQ12, MST: 0201317864, 01 (Một) dấu chức danh giám đốc mang tên NTT.

*(*Theo Biên bản giao, nhận giữa Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng và Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng ngày 03 tháng 8 năm 2021 và Biên lai thu tiền số 4453, số 4454 cùng ngày 01 tháng 9 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng*).*

Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Đối với đối tượng AI (là người bán Công ty cho NTT), AG, AH (là người mua hóa đơn GTGT của NTT) chưa xác minh được nhân thân, lai lịch nên Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, làm rõ, xử lý sau. Đối với các đối tượng NLQ4, NLQ8; AM; AJ đứng tên Giám đốc cũ và mới, vắng mặt tại địa phương, chưa tiến hành lấy được lời khai nên Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, làm rõ, xử lý sau. Đối với các Doanh nghiệp sử dụng hóa đơn 05 Công ty của NTT xuất bán, qua tài liệu điều tra chưa đủ căn cứ để xác định có hành vi vi phạm pháp luật hình sự, nên Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, làm rõ, xử lý sau. Tài liệu điều tra thể hiện các đối tượng NLQ2, NLQ10, NLQ6 đều không biết việc chứng minh thư nhân dân của mình bị sử dụng nhằm mục đích thành lập, thay đổi đăng ký doanh nghiệp để bán trái phép hóa đơn, chưa có căn cứ xác định hành vi đồng phạm, nên Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, làm rõ, xử lý sau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Tại phiên tòa, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt không có lý do lần thứ hai, không ảnh hưởng đến việc giải quyết, xét xử vụ án. Bởi vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

[2] Về tài liệu, chứng cứ cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập; bị cáo, người tham gia tố tụng khác cung cấp đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại về những chứng cứ, tài liệu đã thu thập, cung cấp. Do đó, những chứng cứ, tài liệu trong vụ án đều hợp pháp.

[3] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng nêu trên. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về nhận định các tình tiết của vụ án:

[3] Về tội danh: Lời khai của các bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, các Kết luận giám định, vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nên đủ cơ sở kết luận: Từ tháng 9-2014 đến tháng 8-2020, NTT đã điều hành 05 công ty, bán trái phép 2.910 số hóa đơn GTGT với tổng tiền hàng hóa, dịch vụ bán ra khống ghi trên hóa đơn là: 1.370.107.705.681 đồng, thu lợi bất chính 225.792. 219 đồng. Từ tháng 06-2018 đến tháng 08-2020, NTL đã giúp sức cho NTT bán trái phép 1.182 số hóa đơn GTGT, đã thu lời bất chính số tiền 32.000.000 đồng. Do vậy, hành vi của các bị cáo NTT, NTL đồng phạm tội "Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước" quy định tại Điều 203 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát truy tố và kết luận là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến các quy định của Nhà nước về trật tự quản lý kinh tế trong việc quản lý hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách, gây thiệt hại đến lợi ích kinh tế của Nhà nước, gây mất trật tự trị an. Vì vậy, phải xem xét, xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật, để giáo dục các bị cáo và đấu tranh phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết định khung hình phạt: NTT thực hiện hành vi bán trái phép 2.910 số hóa đơn GTGT với tổng tiền hàng hóa, dịch vụ bán ra khống ghi trên hóa đơn là: 1.370.107.705.681 đồng, thu lợi bất chính 225.792. 219 đồng, nên bị cáo NTT phạm tội "Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước" theo các điểm d, đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự. NTL thực hiện hành vi bán trái phép 1.182 số hóa đơn GTGT, đã thu lời bất chính số tiền 32.000.000

đồng, nên bị cáo NTL phạm tội "Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước" theo điểm d khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự.

[6] Về vai trò đồng phạm: Các bị cáo cố ý cùng thực hiện tội phạm "Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước", nên cần áp dụng các điều 17, 58 của Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt. Bị cáo NTT chủ mưu, trực tiếp thực hiện giao dịch mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước, nên vai trò cao hơn bị cáo NTL giúp sức làm báo cáo kê khai thuế, viết, ký nội dung, hợp thức hóa việc mua bán trái phép hóa đơn theo sự chỉ đạo của NTT.

[7] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không thực hiện hành vi phạm tội "Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước" ở dạng phôi từ 50 số đến dưới 100 số hoặc hóa đơn, chứng từ đã ghi nội dung từ 10 số đến dưới 30 số hoặc thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng trong từng lần, nên cần chấp nhận quan điểm của Viện Kiểm sát về việc các bị cáo NTT, NTL đều không phạm tình tiết "Phạm tội 02 lần trở lên" hoặc tình tiết khác theo Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[8] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo NTT tự thú, bị cáo NTL ra đầu thú về các hành vi vi phạm, giao nộp các tài liệu, chứng cứ, đồ vật liên quan hành vi phạm tội, tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong quá trình khởi tố, điều tra vụ án, khắc phục toàn bộ tiền thu lợi bất chính vào ngân sách nhà nước, các bị cáo tự thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội. Bị cáo NTL là người phạm tội có thai trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử. Bởi vậy, Bị cáo NTT được hưởng các tình tiết theo các điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo NTL được hưởng các tình tiết theo các điểm s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[9] Trên cơ sở đánh giá toàn diện tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân chưa tiền án, tiền sự, mức độ, vai trò đồng phạm, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nguyên nhân, điều kiện gây ra tội phạm, tính chất, mức độ ăn năn hối cải, khắc phục hậu quả tội phạm, nộp toàn bộ số tiền thu lợi bất chính thu sung ngân sách nhà nước, bảo đảm quyết định hình phạt phù hợp mục đích không chỉ nhằm trừng trị người phạm tội mà còn giáo dục họ ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống. Xét thấy, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, phạm tội lần đầu, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, có khả năng thi hành hình phạt chính là hình phạt tiền. Do đó, cần áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo, cũng đủ tính răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

[10] NTT chỉ đạo bị cáo NTL, trực tiếp bán trái phép 2.910 số hóa đơn GTGT với tổng tiền hàng hóa, dịch vụ bán ra khống ghi trên hóa đơn là: 1.370.107.705.681 đồng, thu lợi bất chính 225.792. 219 đồng. Bị cáo tự thú, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong quá trình khởi tố, điều tra vụ án, khắc phục toàn bộ 225.792. 219 đồng tiền thu lợi bất chính vào ngân sách nhà nước. Cần đánh giá vai trò, tính chất mức độ, hành vi

của bị cáo để quyết định hình phạt tiền đối với bị cáo NTT ở mức khởi điểm đề nghị của Viện Kiểm sát, cũng đủ đáp ứng nghiêm minh của pháp luật.

[11] NTL giúp sức bị cáo NTT thực hiện hành vi bán trái phép 1.182 số hóa đơn GTGT, đã thu lời bất chính số tiền lương được thanh toán 32.000.000 đồng. Bị cáo ra đầu thú, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, người phạm tội là phụ nữ có thai, khắc phục toàn bộ 32.000.000 đồng tiền thu lợi bất chính vào ngân sách nhà nước. Cần đánh giá vai trò, tính chất mức độ, hành vi của bị cáo để quyết định hình phạt tiền đối với bị cáo ở mức khởi điểm đề nghị của Viện Kiểm sát, cũng bảo đảm mục đích của hình phạt.

Về xử lý vật chứng:

[12] NTT tự nguyện nộp tiền vào cơ quan điều tra, cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tổng số tiền là 110.000.000 đồng + 350.000.000 đồng = 460.000.000 đồng. Bị cáo NTT đã nộp toàn bộ tiền thu lợi bất chính 225.792. 219 đồng, nên cần thu sung ngân sách nhà nước số tiền này. Cần tạm giữ số tiền còn lại 234.207.781 đồng bảo đảm thi hành án đối với bị cáo.

[13] NTL tự nguyện nộp tiền vào cơ quan điều tra, cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tổng số tiền là 20.000.000 đồng + 150.000.000 đồng = 170.000.000 đồng. Bị cáo NTL đã nộp toàn bộ tiền thu lợi bất chính 32.000.000 đồng, nên cần thu sung ngân sách nhà nước số tiền này. Cần tạm giữ số tiền còn lại 138.000.000 đồng đồng bảo đảm thi hành án đối với bị cáo.

[14] NLQ10 không biết việc thành lập, hoạt động, sử dụng trái phép hai bộ dấu tròn Công ty, dấu chức danh Giám đốc của Công ty NLQ9, chưa có căn cứ xác định hành vi vi phạm pháp luật hình sự trong vụ án. Căn cứ lời khai của bị cáo, bà NLQ2, chị NLQ10 và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án. Cần chấp nhận đề nghị của Viện Kiểm sát về việc tịch thu tiêu hủy đối với các vật chứng, tài liệu liên quan phạm tội hoặc không còn giá trị sử dụng đối với: 11 (Mười một) quyển hóa đơn GTGT, mẫu số: 01GTKT3/001, ký hiệu: AT/18P quyển số 17 đến 27 (ghi trên bìa) từ số 0000801 đến 0001350 của Công ty NLQ9, MST: 0201863831, đang sử dụng. 13 (Mười ba) quyển hóa đơn GTGT, mẫu số: 01GTKT3/001, ký hiệu: AT/18P quyển số 28 đến 40 (ghi trên bìa) từ số 0001351 đến 0002000 của Công ty NLQ9, chưa sử dụng. 14 (Mười bốn) quyển hóa đơn GTGT, mẫu số: 01GTKT3/001, ký hiệu: 01GTKT3/001, ký hiệu: AP/18P quyển số 27 đến 40 (ghi trên bìa) từ số 0001301 đến 0002000 của Công ty NLQ7, chưa sử dụng. 07 (Bảy) quyển hóa đơn GTGT, mẫu số: 01GTKT3/001, ký hiệu: 01GTKT3/001, ký hiệu: AP/18P quyển số 20 đến 26 (ghi trên bìa) từ số 0000951 đến 0001300 của Công ty NLQ7, MST: 0201859112, đang sử dụng. 09 (Chín) giấy rút tiền mặt của Công ty NLQ3 tại Ngân hàng AP đã ký tên NTT tại mục "Kế toán trưởng" và ký tên Giám đốc NLQ4, đóng dấu tròn Công ty tại mục "Chủ tài khoản", chưa viết nội dung. 03 (Ba) giấy rút tiền mặt của Công ty NLQ1 tại Ngân hàng AP đã ký tên NTT tại mục "Kế toán trưởng" và ký tên Giám đốc NLQ2, đóng dấu tròn công ty tại mục "Chủ tài khoản", chưa viết nội dung. 13 (Mười ba) giấy Ủy nhiệm chi của Công ty NLQ9 tại Ngân hàng MB chưa viết nội dung. 24 (Hai mươi bốn) quyển Hóa đơn GTGT, ký hiệu: AA/18P, mẫu số:

01GTKT3/002 được đánh số trên bìa từ 17 đến 40 của Công ty NLQ3, chưa viết nội dung. Tập hồ sơ đặt in hóa đơn của Công ty NLQ3, Công ty NLQ1. Tập hồ sơ đặt in hóa đơn của Công ty NLQ9. 01 (Một) bộ dấu tròn Công ty, dấu chức danh Giám đốc của Công ty NLQ9.

[15] Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra đối với những người quản lý có liên quan cũ, mới và các doanh nghiệp trong vụ án. Dấu của Công ty TNHH NLQ11 không liên quan vụ án nhưng do người đại diện theo pháp luật của công ty vắng mặt, chưa làm rõ việc có đối tượng tên là AG gửi NTT giữ bộ dấu tròn công ty, nên cần điều tra làm rõ. Bị cáo khai Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty NLQ7 bị thu giữ là bản gốc, nhưng chưa điều tra, làm rõ được do người đại diện theo pháp luật công ty vắng mặt. Bà NLQ2, bà NLQ6 đều không biết việc chứng minh thư nhân dân bị sử dụng nhằm mục đích chuyển nhượng vốn sở hữu, thay đổi chủ sở hữu, thay đổi đăng ký doanh nghiệp, không biết việc mua bán trái phép hóa đơn, chưa có căn cứ xác định hành vi vi phạm pháp luật hình sự. Do vậy, cần chấp nhận đề nghị của Viện Kiểm sát về việc chuyển lại cho Cơ quan điều tra các vật, tài liệu sau đây để điều tra, xử lý theo quy định pháp luật, đó là: 02 (Hai) bộ dấu tròn công ty, dấu chức danh giám đốc của Công ty NLQ7, Công ty TNHH NLQ11, MST: 0202013900. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty NLQ7. 03 (Ba) dấu tròn của các công ty gồm: Công ty TNHH TM xây dựng & XNK NLQ1, MST: 0201304103; Công ty TNHH NLQ5, MST: 0200654585; Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng & TM An Tín, MST: 0201573586. 03 (Ba) dấu chức danh giám đốc mang tên: NLQ2, NLQ6, NLQ4.

[16] Căn cứ kết quả điều tra, lời khai của người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH NLQ12, cần trả lại tài sản của doanh nghiệp không liên quan vụ án là có căn cứ, đúng pháp luật, cụ thể: Trả cho Công ty TNHH NLQ12 01 (Một) dấu tròn của Công ty TNHH NLQ12, MST: 0201317864, 01 (Một) dấu chức danh giám đốc mang tên NTT.

[17] Quan điểm của Viện Kiểm sát, Cơ quan điều tra về việc: Các doanh nghiệp sử dụng hóa đơn của năm công ty do NTT xuất bán trái phép hóa đơn đều chưa đủ căn cứ xác định có hành vi vi phạm pháp luật hình sự; NLQ2, NLQ10, NLQ6 đều không biết việc chứng minh thư nhân dân bị sử dụng nhằm mục đích thành lập, thay đổi đăng ký doanh nghiệp để các bị cáo bán trái phép hóa đơn, chưa có căn cứ xác định có hành vi vi phạm pháp luật hình sự là có cơ sở. Do vậy, Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, làm rõ, xử lý sau là có căn cứ. Đối tượng AI là người bán bộ dấu, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho NTT; còn AG, AH đều là người mua hóa đơn GTGT của NTT, đều chưa xác minh được nhân thân, lai lịch. NLQ4, NLQ8 và những người quản lý có liên quan cũ của bốn công ty do NTT bán trái phép hóa đơn đều vắng mặt tại địa phương, chưa tiến hành lấy được lời khai. Do vậy, Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, làm rõ, xử lý sau đối với các đối tượng này và xử lý một số vật bị thu giữ do Tòa án chuyển lại theo quy định pháp luật theo ý kiến của Viện Kiểm sát là có căn cứ.

[18] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điểm d, đ khoản 2 Điều 203; khoản 1 Điều 35; các điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử: Phạt tiền NTT 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng về tội "Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước".

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; khoản 1 Điều 35; các điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử: Phạt tiền NTL 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng về tội "Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước".

- Căn cứ khoản 2 Điều 45, điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật Tố tụng hình sự: Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" đối với NTT, NTL.

- Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, xử:

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước tiền thu lợi bất chính 225.792.219 (Hai trăm hai mươi lăm triệu, bẩy trăm chín mươi hai nghìn, hai trăm mười chín) đồng của NTT. Tạm giữ số tiền 234.207.781 (Hai trăm ba mươi bốn triệu, hai trăm linh bẩy nghìn, bẩy trăm tám mươi mốt) đồng bảo đảm thi hành án đối với NTT.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước tiền thu lợi bất chính 32.000.000 (Ba mươi hai triệu) đồng của NTL. Tạm giữ số tiền 138.000.000 (Một trăm, ba mươi tám triệu) đồng bảo đảm thi hành án đối với NTL.

Tịch thu tiêu hủy đối với: 11 (Mười một) quyển hóa đơn GTGT, mẫu số: 01GTKT3/001, ký hiệu: AT/18P quyển số 17 đến 27 (ghi trên bìa) từ số 0000801 đến 0001350 của Công ty NLQ9, MST: 0201863831, đang sử dụng. 13 (Mười ba) quyển hóa đơn GTGT, mẫu số: 01GTKT3/001, ký hiệu: AT/18P quyển số 28 đến 40 (ghi trên bìa) từ số 0001351 đến 0002000 của Công ty NLQ9, chưa sử dụng. 14 (Mười bốn) quyển hóa đơn GTGT, mẫu số: 01GTKT3/001, ký hiệu: 01GTKT3/001, ký hiệu: AP/18P quyển số 27 đến 40 (ghi trên bìa) từ số 0001301 đến 0002000 của Công ty NLQ7, chưa sử dụng. 07 (Bảy) quyển hóa đơn GTGT, mẫu số: 01GTKT3/001, ký hiệu: 01GTKT3/001, ký hiệu: AP/18P quyển số 20 đến 26 (ghi trên bìa) từ số 0000951 đến 0001300 của Công ty NLQ7, MST: 0201859112, đang sử dụng. 09 (Chín) giấy rút tiền mặt của Công ty NLQ3 tại Ngân hàng AP đã ký tên NTT tại mục "Kế toán trưởng" và ký tên Giám đốc NLQ4, đóng dấu tròn Công ty tại mục "Chủ tài khoản", chưa viết nội dung. 03 (Ba) giấy rút tiền mặt của Công ty NLQ1 tại Ngân hàng AP đã ký tên NTT tại mục "Kế toán trưởng" và ký tên Giám đốc NLQ2, đóng dấu tròn công ty tại mục "Chủ tài khoản", chưa viết nội dung. 13 (Mười ba) giấy Ủy nhiệm chi của Công ty NLQ9 tại Ngân hàng MB chưa viết nội dung. 24 (Hai mươi bốn) quyển Hóa đơn GTGT, ký hiệu: AA/18P, mẫu số: 01GTKT3/002 được đánh số trên bìa từ 17 đến 40 của Công ty NLQ3, chưa viết nội dung. Tập hồ sơ đặt in hóa đơn của

Công ty NLQ3, Công ty NLQ1. Tập hồ sơ đặt in hóa đơn của Công ty NLQ9. 01 (Một) bộ dấu tròn Công ty, dấu chức danh Giám đốc của Công ty NLQ9.

Chuyển cho Cơ quan điều tra Công an quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tiếp tục điều tra, xử lý theo quy định pháp luật đối với: 02 (Hai) bộ dấu tròn công ty, dấu chức danh giám đốc của Công ty NLQ7, Công ty TNHH NLQ11, MST: 0202013900. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty NLQ7. 03 (Ba) dấu tròn của các công ty gồm: Công ty TNHH TM xây dựng & XNK NLQ1, MST: 0201304103; Công ty TNHH NLQ5, MST: 0200654585; Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng & TM An Tín, MST: 0201573586. 03 (Ba) dấu chức danh giám đốc mang tên: NLQ2, NLQ6, NLQ4.

Trả lại cho Công ty TNHH NLQ12 01 (Một) dấu tròn của Công ty TNHH NLQ12, MST: 0201317864, 01 (Một) dấu chức danh giám đốc mang tên NTT.

(Theo Biên bản giao, nhận giữa Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng và Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng ngày 03 tháng 8 năm 2021 và Biên lai thu tiền số 4453, số 4454 cùng ngày 01 tháng 9 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng).

- Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TP.Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- PV 06 Công an TP. Hải Phòng;
- CA quận Hồng Bàng;
- Cơ quan THAHS Công an quận Hồng Bàng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- UBND nơi cư trú của các bị cáo;
- Các bị cáo;
- Người có QLNVLQ đến vụ án;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Ngọc Sinh